

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 05 - 7 - 2024
Vv tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trịnh Thị Thanh Thúy;
- Bà Nguyễn Thị Ánh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST-DS, ngày 20 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024, thông báo chuyển ngày xét xử số 36/TB-TA ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thái Thị L, sinh năm 1984 (theo Giấy ủy quyền số: 105/2024/GUQ- CNQNI, ngày 12/6/2024).

Địa chỉ: Số 449, đường Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

(Đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/11/2020, ông Nguyễn Văn B có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông B, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 356480-1160, hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 60.177.697 đồng. Đã thanh toán cho Ngân hàng 49.068.084 đồng.

Tổng số tiền được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được áp dụng theo thứ tự sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước;
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Tổng số tiền ông B thanh toán 49.068.084 đồng được trừ thanh toán cho các khoản phí, lãi trước, số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch, cụ thể: trừ vào tổng số tiền lãi trong hạn 9.021.131 đồng; phí trễ hạn thanh toán 1.242.580 đồng; phí vượt hạn mức 543.019 đồng; các loại phí khác (Phí thường niên, phí rút tiền mặt...) 2.375.000 đồng; số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch 60.177.697 đồng. Sau khi trừ thì số tiền còn thiếu là 24.291.343 đồng.

Trong quá trình trả nợ, ông B thường xuyên vi phạm hợp đồng, việc trả nợ thường trễ hạn, ngày vi phạm được xác định là ngày 15/6/2023. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông B không có thiện chí trả nợ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông B và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 15/9/2023.

1. Tại kỳ ngày 15/7/2023:

Dư nợ đầu kỳ 21.990.554 đồng.

Lãi trong hạn từ ngày 16/6/2023 – 14/7/2023 (30 ngày) là 410.306 đồng.

Cách tính lãi trong hạn: $21.990.554 \text{ đồng} \times 1,8681\%/\text{tháng} \times 30 \text{ ngày}$:30.

2. *Tại kỳ ngày 15/8/2023:*

Dư nợ đầu kỳ 22.642.953 đồng.

Lãi trong hạn từ ngày 15/7/2023 – 14/8/2023 (31 ngày) là 437.093 đồng.

Cách tính lãi trong hạn: $22.642.953 \text{ đồng} \times 1,8681\%/\text{tháng} \times 30 \text{ ngày}$:30.

3. *Tại kỳ ngày 15/9/2023:*

Dư nợ đầu kỳ 23.409.561 đồng.

Lãi trong hạn từ ngày 15/8/2023 – 14/9/2023 (31 ngày) là 451.891 đồng.

Cách tính lãi trong hạn: $23.409.561 \text{ đồng} \times 1,8681\%/\text{tháng} \times 30 \text{ ngày}$:30.

Kỳ ngày 15/9/2023 nợ khách hàng chuyển sang quá hạn.

Lãi suất quá hạn tính 150% lãi trong hạn: Lãi suất trong hạn nhân 150% ($1,8681\%/\text{tháng} \times 12 \times 150\%$).

Nợ gốc chốt số liệu ngày 15/9/2023 được xác định như sau: số tiền giao dịch + phí trễ hạn + lãi + phí VHM + phí – số tiền thanh toán ($60.177.697 + 1.242.580 \text{ đồng} + 9.021.131 \text{ đồng} + 543.019 \text{ đồng} + 2.375.000 \text{ đồng} - 49.068.084$) đồng = 24.291.343 đồng.

Ngày 26/10/2023 khách hàng chuyển trả 2.070.001 đồng dư nợ còn lại 22.221.342 đồng.

Tổng lãi sau ngày 15/9/2023 được chia làm 2 phần cụ thể như sau:

- Từ ngày 16/9/2023 – 26/10/2023 là 40 ngày:

Lãi suất quá hạn là: $24.291.343 \text{ đồng} \times 0,0933\% \times 40 \text{ ngày} = 906.560 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 27/10/2023 – 05/7/2024 là 253 ngày:

Lãi suất quá hạn là: $22.221.342 \text{ đồng} \times 0,0933\% \times 253 \text{ ngày} = 5.245.499 \text{ đồng}$.

Tổng nợ lãi quá hạn 6.152.009 đồng.

Tổng gốc và lãi là 28.373.351 đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử ngày 05/7/2024 số tiền là 28.373.351 đồng; trong đó: Nợ gốc: 22.221.342 đồng; nợ lãi quá hạn 6.151.885 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 05/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng ngày 19/11/2020.

Bị đơn không có văn bản trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 25/10/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Ông Nguyễn Văn B có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng vào ngày 19/11/2020. Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng JCB Classic (Hạng phổ thông): Số thẻ 486265 – 7301 với mức lãi suất: 1,7%/tháng (kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín). Hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Biên đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 60.177.697 đồng. Đã thanh toán cho Ngân hàng 49.068.084 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Tại thời điểm giao dịch lãi suất là 1,8681%/tháng.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 13 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này (ngày 16/9/2023) là đúng quy định. Tuy nhiên, Ngân hàng chuyển toàn bộ số tiền 24.291.343 đồng (Từ ngày 16/9/2023 – 26/10/2023) làm nợ

gốc, và số tiền 22.221.342 đồng (Từ ngày 27/10/2023 – 05/7/2024) làm nợ gốc áp dụng lãi suất nợ quá hạn (1,8681%/tháng x 12 x 150%). Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 15/9/2023 đến ngày 05/7/2024 là 6.152.009 đồng, tổng cộng là 28.373.351 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm bảy ba nghìn hai trăm hai mươi ba đồng) là không phù hợp quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Hợp đồng mà ông B và Ngân hàng thỏa thuận về lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn cộng phí vượt hạn mức, phí trễ hạn và lãi trong hạn chưa thanh toán để tính nợ gốc như vậy là lãi chồng lãi, phạt chồng phạt vi phạm khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*”. Đồng thời tại khoản 5, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật này. b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Do đó, xác định lại các khoản nợ tính đến ngày xét xử (ngày 05/7/2024) buộc ông Biên phải trả nợ cho Ngân hàng cụ thể như sau:

- Tiền nợ gốc 21.990.554 đồng (từ ngày 15/6/2023);
- Phí vượt hạn mức 193.019 đồng (từ ngày 15/6/2023 đến ngày 15/9/2023);
- Phí trễ hạn 806.584 đồng (từ ngày 15/6/2023 đến ngày 15/9/2023);
- Nợ lãi trong hạn 1.232.416 đồng (từ ngày 15/6/2023 đến ngày 15/9/2023) là 3 tháng; 21.990.554 đồng x 1,8681%/tháng x 3 tháng).

Chuyển lãi quá hạn tính từ ngày 15/9/2023, đến ngày xét xử ngày 05/7/2024 là 293 ngày. Ngày 26/10/2023 trả được 2.070.001 đồng trừ vào tiền phí, lãi của kỳ trước 2.232.064 đồng (1.232.461 đồng + 193.019 đồng + 806.584 đồng) còn lại là 162.063 đồng.

Nợ lãi quá hạn 6.018.301 đồng được tính từ ngày 15/9/2023, đến ngày xét xử ngày 05/7/2024 là 293 ngày (21.990.554 đồng x 1,8681% x 1,5 : 30 x 293 ngày).

Tổng cộng: 28.170.918 đồng (21.990.554 đồng + 162.063 đồng + 6.018.301 đồng).

Việc ông B không trả nợ theo thỏa thuận khi đến hạn là vi phạm hợp đồng nguyên đơn có đơn yêu cầu tòa án giải quyết nên buộc phải trả nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, yêu cầu trả số tiền 28.373.351 đồng (Hai tám triệu ba trăm bảy

ba nghìn hai trăm hai bảy đồng) là không thể chấp nhận mà chỉ chấp nhận số tiền 28.170.918 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm bảy mươi nghìn chín trăm mười tám đồng); trong đó: tiền nợ gốc 21.990.554 đồng; phí vượt hạn mức, phí trễ hạn và nợ lãi trong hạn 162.063 đồng, lãi quá hạn 6.018.301 đồng, đồng thời tiếp tục trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký kết ngày 19/11/2020 giữa Ngân hàng với ông B cho đến khi trả nợ xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Nguyên đơn chịu 300.000 đồng (Số tiền không được Tòa án chấp nhận 202.433 đồng).

Bị đơn chịu 1.408.000 đồng (Số tiền buộc phải trả cho nguyên đơn được Tòa án chấp nhận 28.170.918 đồng x 5%).

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 02 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 275, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền số tiền 28.170.918 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm bảy mươi nghìn chín trăm mười tám đồng); trong đó: tiền nợ gốc 21.990.554 đồng; phí vượt hạn mức, phí trễ hạn và nợ lãi trong hạn 162.063 đồng, lãi quá hạn 6.018.301 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng vào ngày 19/11/2020 giữa ông Nguyễn Văn B và Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 629.000 đồng; còn hoàn trả 329.000 đồng (Ba trăm hai chín nghìn đồng)

theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001726 ngày 13/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Văn B phải nộp 1.408.000 đồng (Một triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, sung vào ngân sách Nhà nước.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Chí Ngãi